**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2024
"V/v Ly hôn giữa bà Tuyền và ông Khiêm"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Kim Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hoàng Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Cẩm Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số D, đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Hữu K**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số A, đường V, Khóm A, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/8/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Huỳnh Hữu K quen biết nhau, tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 26/12/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; bà T và ông K sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tình tình, ông K thiếu tôn trọng và luôn có lời lẽ xúc phạm bà T, ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; ông, bà sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được, bà T không còn tình cảm với ông K, hôn nhân giữa bà T và ông K không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, bà T yêu cầu giải quyết cho bà T được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà T và ông K có một con chung tên Huỳnh Hữu Trí K1, sinh ngày 28/10/2023, hiện con đang sống cùng bà T, sau khi ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Bà T và ông K tự thỏa thuận, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn ông, bà không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, ông K không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện; ông K vắng mặt đến lần thứ hai. Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện tốt.

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTV-QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về nội dung đề nghị: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Thanh T và ông Huỳnh Hữu K; giao con tên Huỳnh Hữu Trí K1, sinh ngày 28/10/2023 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng

* Tại phiên tòa sơ thẩm đương sự không suất trình chứng cứ mới,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Huỳnh Hữu K, ông K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông K cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông K vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, bà T và ông K sống ly thân, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ông, bà không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn tranh chấp của ông, bà; trong thời kỳ hôn nhân giữa

ông, bà có một con chung, bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng; bà T xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp, đã ly thân không hàn gắn được tình cảm vợ chồng; ông K không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ với bà T, ông K không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn, tài sản chung, nợ chung và con chung. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông K tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định do đó quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi xảy ra mâu thuẫn bà T đã có thời gian sống ly thân và không còn tình cảm vợ chồng với ông K, quá trình giải quyết cũng như tại đơn xin vắng mặt bà T kiên quyết giữ quan điểm ly hôn. Xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung trong việc xây dựng gia đình, bà T và ông K có thời gian dài để suy nghĩ và cho nhau cơ hội nhưng không hàn gắn tình cảm được, bà T vẫn cương quyết ly hôn cho thấy mâu thuẫn trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông K.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông K có một người con chung là Huỳnh Hữu Trí K1, sinh ngày 28/10/2023, hiện nay con đang sống với bà T, bà T có nguyện vọng được nuôi con; ông K không có ý kiến gì về việc nuôi con; bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng, bà T có thu nhập ổn định tự nuôi con và chăm sóc con tốt. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, về việc cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông K nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông, bà không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đồng, ông K không phải nộp án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Về nội dung:**

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Thanh T và ông Huỳnh Hữu K;

1.2. Về con chung: Bà T và ông K có một người con chung là Huỳnh Hữu Trí K1, sinh ngày 28/10/2023. Hiện nay con đang sống cùng bà T, giao cho bà T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng con; ông K không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn ông K có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng ông K không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

**2. Về án phí**: Bà Phạm Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số N$^{0}$ 0007191 ngày 12/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường 9, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Đoàn Thị Kim Yến**